

QUỸ ETF KIM GROWTH VNDIAMOND
KIM GROWTH VNDIAMOND ETF

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/No.: 20240814/FUEKIVND-CBTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Ho Chi Minh City, August 14, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

7. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên quỹ niêm yết/ *Name of listed fund: Quỹ ETF KIM Growth VNDIAMOND/ KIM Growth VNDIAMOND ETF*
- Mã chứng khoán/ *Securities code: FUEKIVND*
- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Room 1807 – 1808, Floor 18, mPlaza Saigon, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Điện thoại/ *Phone number: (028) 3824 2220* Fax: (028) 3824 2225
- Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
8. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2024
Content of information disclosure: Report on Interim Audited Financial Statement – First half of 2024
9. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on August 14, 2024, available at: https://koreainvestment.com.vn/en/home/

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Báo cáo tài chính đã soát xét bán niên năm 2024/
Report on Interim Audited Financial Statement
– *First half of 2024*

Đại diện công bố thông tin
CÔNG TY
TNHH
QUẢN LÝ QUỸ
KIM VIỆT NAM
YUN HANG JIN
Tổng Giám đốc / General Director

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024



Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024



Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF giữa niên độ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	21
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	22 - 47

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN DIAMOND (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 412/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 12 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 17/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 3 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 51.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 51.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.100.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 186/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 4 năm 2024 với mã chứng khoán FUEKIVND và chính thức giao dịch từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN DIAMOND do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 1807 - 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 2 năm 2024
Bà Lê Hoàng Dung	Thành viên độc lập	Ngày 2 tháng 2 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Ngày 2 tháng 2 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

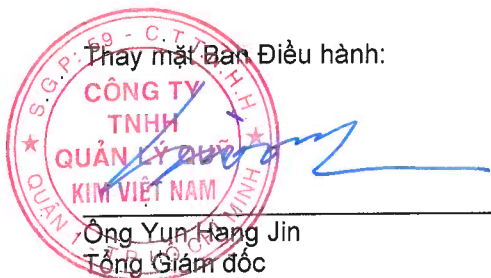
Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND (“Quỹ”).

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN DIAMOND sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/ chứng chỉ quỹ (CCQ) là 5,66% so với NAV/CCQ tại ngày thành lập quỹ;

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là 9,35%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là 8,11% trong cùng kỳ so sánh.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN DIAMOND Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN DIAMOND Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 17/GCN-UBCK ngày 5 tháng 3 năm 2024, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 61.788.772.543 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 51.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 5.100.000.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, chỉ số VN DIAMOND tại thời điểm báo cáo là 2.217,86.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề suất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 %
Danh mục chứng khoán	99,56
Các tài sản khác	0,44
Cộng	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	61.788.772.543
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	5.100.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	12.115,45
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	12.536,27
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	10.837,78
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo	12.130
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	12.530
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	11.200
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	5,66%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	3,43%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	63,42%

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	Không áp dụng	Không áp dụng
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 5/3/2024) (**)	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	5,81%	Không áp dụng

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Năm 2024 là một năm mà nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều thách thức và bất ổn, và Việt Nam cũng nằm trong xu thế chung chịu ảnh hưởng của những biến động này. Lạm phát giảm nhẹ nhưng vẫn ở mức cao, nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ chặt chẽ và lãi suất cao. Thương mại, tiêu dùng và đầu tư toàn cầu tiếp tục suy giảm do tăng cường biện pháp bảo hộ thương mại. Đầu vậy trong nửa đầu năm 2024, kinh tế Việt Nam vẫn đạt được nhiều thành tựu tích cực và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

Tăng trưởng GDP quý II phục hồi mạnh, đạt 6,93%, tính chung 6 tháng đạt 6,42%, cao hơn nhiều cùng kỳ năm 2023 (3,84%) và vượt kịch bản tại Nghị quyết 01 (5,5 - 6%). Cả 3 khu vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ đều tăng trưởng tốt (trong đó: nông nghiệp tăng 3,38%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%; dịch vụ tăng 6,64%).

Kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng tăng 4,08% (lạm phát cơ bản tăng 2,75%). An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm (Xuất khẩu gạo đạt trên 4,6 triệu tấn, kim ngạch gần 3 tỷ USD, tăng lần lượt 10,4% và 32% so với cùng kỳ); cơ bản bảo đảm cân đối cung cầu lao động. Đầu tư phát triển tiếp tục đạt kết quả tích cực, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý II tăng 7,5%; tính chung 6 tháng tăng 6,8% (Trong đó vốn đầu tư của khu vực Nhà nước tăng 4,8%; khu vực ngoài nhà nước tăng 6,7%, khu vực FDI tăng 10,3%). Giải ngân vốn đầu tư công đạt 29,39% kế hoạch. Thu hút FDI 6 tháng đạt 15,19 tỷ USD, tăng 13,1%; vốn FDI thực hiện đạt 10,84 tỷ USD, tăng 8,2% (cao nhất 5 năm qua).

2. Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có kết quả tích cực trong sáu tháng đầu năm 2024. Thị trường có diễn biến tăng điểm trong quý I và giảm điểm trong quý II. Chốt phiên giao dịch cuối cùng tháng Sáu, chỉ số VN Index tăng 10,21% so với cuối năm 2023, lên 1.245,32 điểm, chỉ số HNX Index tăng 2,84% lên 237,59 điểm, và chỉ số UPCOM Index tăng 12,06% lên 97,54 điểm.

Tính đến cuối tháng Sáu, giá trị vốn hóa cổ phiếu trên HOSE đạt hơn 5,08 triệu tỷ đồng, tương đương 50,26% GDP năm 2023 theo giá hiện hành, tăng hơn 11,58% so với cuối năm trước. Thanh khoản thị trường sáu tháng đầu năm 2024 tăng cả về khối lượng và giá trị giao dịch so với cùng kỳ năm trước. Tính chung trên cả 2 sàn, tổng giá trị giao dịch tăng 78,22% ở mức hơn 2.800 nghìn tỷ đồng và tổng khối lượng giao dịch tăng 26,2% lên 112,89 triệu cổ phiếu.

Số lượng tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tiếp tục tăng trưởng, đạt hơn 8 triệu tài khoản vào cuối tháng 6 năm 2024. Cũng trong sáu tháng đầu năm 2024, thị trường chứng khoán phát sinh, thị trường trái phiếu chính phủ đều hoạt động ổn định và duy trì thanh khoản tích cực.

Cùng với đó, kinh tế vĩ mô trong nước hồi phục tích cực đã hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của hầu hết các công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch quy mô lớn đạt kết quả khả quan, với tổng lợi nhuận sau thuế quý I năm 2024 tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong sáu tháng đầu năm 2024, UBCKNN đã tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan, tích cực, quyết liệt, triển khai các giải pháp để thị trường chứng khoán Việt Nam đáp ứng được các tiêu chí nâng hạng. Những nỗ lực, giải pháp đề ra của cơ quan quản lý đã được các tổ chức quốc tế, thành viên thị trường... đánh giá tích cực.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

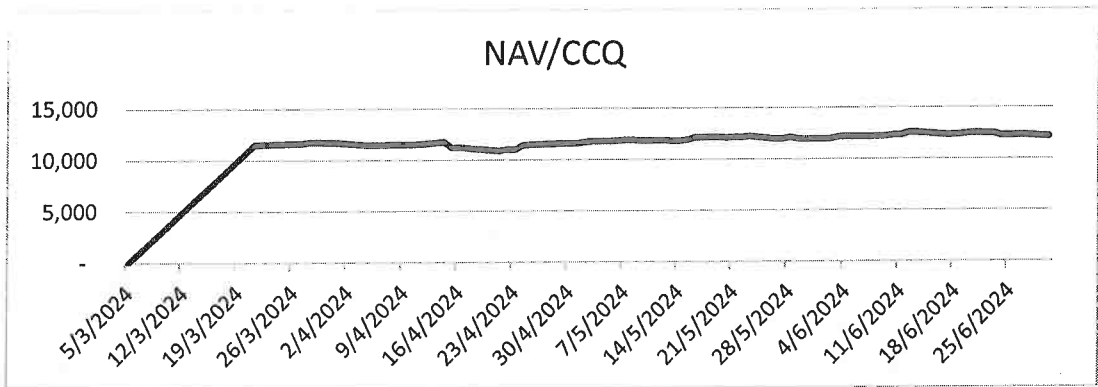
IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<u>1 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>3 năm đến thời điểm báo cáo</u>	<u>Từ khi thành lập %</u>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	5,81
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	5,66
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng	9,35
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng	8,11

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 24 tháng 4 năm 2024).

Biểu đồ tăng trưởng NAV/CCQ của Quỹ từ ngày thành lập đến nay:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</u>	<u>Ngày 5 tháng 3 năm 2024 (Ngày lập quỹ) VND</u>	<u>Tỷ lệ thay đổi</u>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	61.788.772.543	58.476.585.051	5,66%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.115,45	11.465,99	5,66%

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

<u>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</u>	<u>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</u>	<u>Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ</u>
Dưới 5.000	9	9.500	0,19%
Từ 5.000 đến 10.000	1	8.400	0,16%
Từ 10.000 đến 50.000	1	20.000	0,39%
Từ 50.000 đến 500.000	1	100.000	1,96%
Trên 500.000	2	4.962.100	97,30%
Tổng cộng	14	5.100.000	100,00%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngầm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Theo SSI, yếu tố cơ bản đang chuyển biến tích cực theo dự đoán và có phần tốt hơn kỳ vọng. Với số liệu tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm vượt kỳ vọng, khả năng chính sách điều hành có thể sẽ tập trung hơn vào các yếu tố mang tính ổn định kinh tế vĩ mô như lạm phát và tỷ giá trong khi lãi suất có thể tiếp tục tăng nhẹ. Điều này có thể đã phản ánh lên sự sụt giảm của thanh khoản TTCK thời gian gần đây. Ngược lại về dòng tiền khối ngoại, áp lực rút vốn từ dòng vốn ngoại nếu nhẹ bớt về cuối năm với kỳ vọng Mỹ giảm lãi suất thì sẽ tạo động lực tích cực mới cho thị trường.

Thách thức lớn nhất của TTCK được dự đoán sẽ nằm ở các yếu tố vĩ mô của kinh tế thế giới và Việt Nam như vấn đề tỷ giá, lạm phát. Các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, như Châu Âu đang gặp khó khăn, Mỹ đang trong giai đoạn cuối của việc siết chặt chính sách tiền tệ, và Trung Quốc đang đối mặt với khó khăn trong thị trường bất động sản.

Trong sáu tháng đầu năm 2024, SSI vẫn nghiêng về kịch bản thị trường tiếp tục xu hướng tăng trưởng, dù các biến số rủi ro đang vẫn còn hiện diện và có thể khiến thị trường biến động. P/E ước tính năm 2024 của VNIndex hiện ở mức 11,5 lần, thấp hơn mức trung bình 5 năm 13,4 lần. Chúng tôi tin rằng với mức định giá này thì "cửa tăng" của VNIndex vẫn sáng trong nửa cuối năm và sang năm 2025, nhất là khi tình hình kinh tế tiếp tục quá trình hồi phục. Tăng lương cơ sở cho khu vực công bắt đầu từ ngày 1 tháng 7; chính sách kích cầu tiêu dùng giảm thuế GTGT 2% được gia hạn đến hết năm; hoạt động xuất khẩu sẽ thuận lợi hơn nếu Mỹ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường vào cuối tháng 7; vướng mắc trong quá trình nâng hạng vẫn đang dần dần được tháo gỡ. Chỉ số được cho là sẽ tiếp tục duy trì mục tiêu 1300-1350 vào cuối năm 2024.

Dự báo kịch bản thị trường cho năm 2024, tăng trưởng lợi nhuận năm 2023 của các doanh nghiệp niêm yết trên toàn thị trường chỉ có thể đạt mức khoảng 3,6%. Tuy nhiên, năm 2024, dự báo lợi nhuận tăng trưởng của thị trường được ước tính có thể đạt mức 16,8%. Động lực chủ yếu đến từ những lĩnh vực sẽ phục hồi so với năm 2023 như: bán lẻ, vật liệu cơ bản, hàng hóa, điện hay ngân hàng... Điểm rơi lợi nhuận của thị trường trong năm 2024 có thể rơi vào quý III với mức tăng trưởng khoảng 30%.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Hyun DongSik - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Hyun DongSik đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như MG Community Credit Cooperatives, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Hyun DongSik tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Hyun DongSik được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Ông Park ChangKue - Thành viên Hội đồng thành viên

Ông Park ChangKue đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như SI Securities, Korea Investment Management Co., Ltd. Về học vấn, ông Park ChangKue tốt nghiệp cử nhân ngành quản trị kinh doanh và ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc tại trường Đại học Kookmin, Hàn Quốc. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Park ChangKue được bổ nhiệm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng thành viên kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Ông Yun Hang Jin - Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Yun Hang Jin đã đảm nhận nhiều chức vụ chủ chốt tại các tổ chức tài chính tại Hàn Quốc như Dongwon Asset Management, Korea Investment Management Co., Ltd, Korea Investment Securities. Về học vấn, Ông Yun Hang Jin tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc và có chứng chỉ quản lý tài sản và chứng chỉ quản trị rủi ro tài chính (FRM) do Hàn Quốc cấp. Tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, ông Yun Hang Jin được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám Đốc kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

Thông tin về Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Người điều hành Quỹ

Ông Huỳnh Tuấn Khánh sở hữu chứng chỉ CFA và có hơn 15 năm kinh nghiệm thực hiện hoạt động phân tích và quản lý tài sản. Ông Khánh tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành tài chính - ngân hàng tại Singapore Institute of Management và được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ năm 2012. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, ông Khánh đã làm việc tại nhiều tổ chức tài chính như Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam) và Văn phòng đại diện Korea Investment Management Co., Ltd tại Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê - Người điều hành Quỹ

Bà Nguyễn Bảo Hoàng Lê sở hữu chứng chỉ CFA và có kinh nghiệm gần 10 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản và phân tích đầu tư. Bà Lê tốt nghiệp trường Đại học Iowa (Hoa Kỳ) chuyên ngành tài chính - kế toán. Trước khi gia nhập Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam từ năm 2020, bà Lê đã có nhiều năm làm việc tại các tổ chức danh tiếng về quản lý tài sản như Aegon Companies Investment Management Inc., Cedar Rapids (Hoa Kỳ), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



YUN HANG JIN



BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT QUỸ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND



Bán niên năm 2024

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ ETF Kim Growth VN Diamond (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ ETF Kim Growth VN Diamond đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan;
- b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- d) Việc phát hành và hoán đổi Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan;
- e) Trong giai đoạn từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Lê Đoàn Nhật Quang
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển
Việt Nam CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh
Phó Trưởng phòng Định chế tài
chính và Lưu ký chứng khoán

Số tham chiếu: 12952890/66844105-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND ("Quỹ"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 15 đến trang 47, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ, danh mục đầu tư của Quý tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B01g-ETF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		11.456.628.438
02	1.1 Cổ tức được chia	11	791.750.400
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	12.846.038
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	12	2.473.018.323
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	8.179.013.677
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		37.074.575
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	13	37.074.575
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		630.781.320
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		135.508.315
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	14	23.508.819
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		22.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		66.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		22.000.000
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	15	269.109.347
20.11	3.7 Chi phí hoạt động khác	16	92.654.839
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		10.788.772.543
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		10.788.772.543
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.609.758.866
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		8.179.013.677
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-
41	VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		10.788.772.543

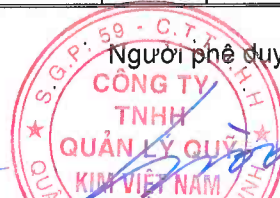
Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Sun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B02g-ETF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
100	I. TÀI SẢN		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	243.590.428
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		243.590.428
120	2. Các khoản đầu tư thuần		61.760.354.000
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	61.760.354.000
130	3. Các khoản phải thu		28.150.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	6	28.150.000
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		28.150.000
100	TỔNG TÀI SẢN		62.032.094.428
300	II. NỢ PHẢI TRẢ		
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	1.935.484
319	2. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	8	223.967.046
320	3. Phải trả, phải nộp khác		17.419.355
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		243.321.885
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		61.788.772.543
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		51.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành	9	51.000.000.000
420	2. Lợi nhuận chưa phân phối	10	10.788.772.543
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	9	12.115,45

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	9	5.100.000

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	-
II	Thay đổi NAV trong kỳ	10.788.772.543
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	10.788.772.543
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	51.000.000.000
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ ETF	51.000.000.000
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	61.788.772.543

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kim Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT			61.760.354.000	99,56%
1	ACB	202.265	23.800	4.813.907.000	7,76%
2	BMP	1.600	100.000	160.000.000	0,26%
3	CTG	30.900	31.000	957.900.000	1,54%
4	FPT	90.390	130.500	11.795.895.000	19,02%
5	GMD	104.000	83.000	8.632.000.000	13,92%
6	HDB	110.500	23.000	2.541.500.000	4,10%
7	KDH	44.500	36.900	1.642.050.000	2,65%
8	MBB	148.300	22.200	3.292.260.000	5,31%
9	MSB	86.200	14.300	1.232.660.000	1,99%
10	NLG	50.000	41.400	2.070.000.000	3,34%
11	OCB	56.900	14.100	802.290.000	1,29%
12	PNJ	87.900	95.500	8.394.450.000	13,53%
13	REE	69.845	62.600	4.372.297.000	7,05%
14	TCB	208.600	23.350	4.870.810.000	7,85%
15	TPB	56.300	17.200	968.360.000	1,56%
16	VIB	58.200	21.000	1.222.200.000	1,97%
17	VPB	121.600	18.650	2.267.840.000	3,66%
18	VRE	84.300	20.450	1.723.935.000	2,78%
II	QUYỀN MUA CỔ PHIẾU			-	0,00%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC			28.150.000	0,05%
1	Dự thu cổ tức			28.150.000	0,05%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B04g-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024
IV 1	TIỀN Tiền gửi ngân hàng			243.590.428 243.590.428	0,39% 0,39%
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			62.032.094.428	100,00%

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		10.788.772.543
02	2. Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(8.049.904.330)
03	Lãi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(8.179.013.677)
04	Chi phí trích trước		129.109.347
05	3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		2.738.868.213
06	Tăng các khoản đầu tư		(2.797.580.323)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(28.150.000)
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.935.484
16	Tăng phải trả, phải nộp khác		17.419.355
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		94.857.699
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.350.428
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		216.240.000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		216.240.000
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		243.590.428
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	243.590.428
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		243.590.428
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		243.590.428
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		243.590.428

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND (“Quỹ”) là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là “quỹ ETF”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng 412/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 12 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 17/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 3 năm 2024. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ là 51.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá hoán đổi lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí phát hành (nếu có). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 51.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.100.000 chứng chỉ quỹ.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 186/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 4 năm 2024 với mã chứng khoán FUEKIVND và chính thức giao dịch từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN DIAMOND do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.100.000 chứng chỉ với tổng giá trị là 51.000.000.000 đồng với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 51.000.000.000 đồng, tương đương với 5.100.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN DIAMOND sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN DIAMOND là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Cam kết tuân thủ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ cần có để mua một cổ phần mới.

Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá hoán đổi hoặc mua vào của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ kế toán là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ. Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND sẽ không phân phối lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Công ty Chứng khoán và đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.8 Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,7% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước Ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi Ngày định giá, được tính và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

Giá dịch vụ phí lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,05% một năm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Lưu ký.

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu

Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VN DIAMOND. Phí dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Phí dịch vụ này được quy định theo bảng dưới đây (chưa bao gồm VAT):

Chỉ số	Tiền dịch vụ cung cấp tối thiểu/năm (VND)	Tiền cung cấp dịch vụ cơ bản (% NAV/năm)			
		Dưới 500 tỷ đồng	Từ 500 đến dưới 1.000 tỷ đồng	Từ 1.000 đến dưới 2.000 tỷ đồng	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên
VN DIAMOND	240.000.000	0,080	0,065	0,055	0,040

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá với mức tối thiểu là 50.000.000 đồng một năm. Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

3.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

b. Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngày 30 tháng 6
năm 2024
VND

Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký
cho hoạt động của quỹ ETF

243.590.428

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá hoán đổi (*) VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Cổ phiếu niêm yết	53.581.340.323	61.760.354.000	8.667.188.677	(488.175.000)	61.760.354.000
	53.581.340.323	61.760.354.000	8.667.188.677	(488.175.000)	61.760.354.000
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập			8.179.013.677		8.179.013.677

(*) Giá hoán đổi được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối kỳ kế toán và giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
	<hr/>
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	28.150.000

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
	<hr/>
Thuế thu nhập cá nhân - Thù lao ban đại diện Quỹ	1.935.484

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
	<hr/>
Phí cấp quyền sử dụng chỉ số cho HOSE	119.794.288
Phí quản lý Quỹ ETF	35.857.699
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	22.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000
Phí cung cấp dịch vụ tính iNAV cho HOSE	9.315.059
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000
	<hr/>
	223.967.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 5 tháng 3 năm 2024 (Phát hành lần đầu) VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	5.100.000	-	5.100.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Thặng dư vốn	-	-	-
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	5.100.000	-	5.100.000
Giá trị vốn góp hiện hành	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	-	10.788.772.543	10.788.772.543
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	51.000.000.000		61.788.772.543
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	10.000		12.115,45

10. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 5 tháng 3 năm 2024 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	-	2.609.758.866	2.609.758.866
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	8.179.013.677	8.179.013.677
	-	10.788.772.543	10.788.772.543

11. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND
Cổ tức được chia	791.750.400
Cổ tức đã nhận	763.600.400
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	28.150.000
Tiền lãi được nhận	12.846.038
	804.596.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

12. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán từ ngày
 5 tháng 3 năm 2024
 (ngày thành lập) đến
 ngày 30 tháng 6 năm
 2024
 VND

Lãi từ giao dịch hoán đổi và mua bán chứng khoán	2.473.018.323
Lãi từ việc Quỹ mua hộ các nhà đầu tư chứng khoán hạn chế	-
	2.473.018.323

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

<i>Tổng giá trị bán/ giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ giá trị hoán đổi VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
---	---	--

Cổ phiếu niêm yết

Lãi trong giao dịch
 hoán đổi lại chứng chỉ
 quỹ

12.195.910.000	9.722.891.677	2.473.018.323
-----------------------	----------------------	----------------------

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Cho kỳ kế toán từ
 ngày 5 tháng 3 năm 2024
 (ngày thành lập) đến
 ngày 30 tháng 6
 năm 2024
 VND

Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	18.780.709
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	18.293.866
	37.074.575

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	7.448.854
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	1.059.965
	23.508.819

15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính iNAV trả HOSE	9.315.059
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	259.794.288
	269.109.347

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND</i>
Chi phí thiết lập Quỹ	40.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000
Thù lao Ban đại diện Quỹ	19.354.839
Chi phí thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	3.300.000
	92.654.839

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	21/3/2024	58.476.585.051	5.100.000	11.465,99	
2	27/3/2024	59.188.844.958	5.100.000	11.605,65	139,66
3	28/3/2024	59.731.821.965	5.100.000	11.712,12	106,47
4	31/3/2024	59.678.775.793	5.100.000	11.701,72	(10,40)
5	4/4/2024	58.373.483.212	5.100.000	11.445,78	(255,94)
6	10/4/2024	58.515.273.415	5.100.000	11.473,58	27,80
7	11/4/2024	58.590.698.721	5.100.000	11.488,37	14,79
8	14/4/2024	59.747.403.055	5.100.000	11.715,17	226,80
9	15/4/2024	56.876.081.155	5.100.000	11.152,17	(563,00)
10	16/4/2024	57.135.479.294	5.100.000	11.203,03	50,86
11	18/4/2024	56.276.618.356	5.100.000	11.034,63	(168,40)
12	21/4/2024	55.272.709.450	5.100.000	10.837,78	(196,85)
13	22/4/2024	55.912.500.980	5.100.000	10.963,23	125,45
14	23/4/2024	56.022.910.398	5.100.000	10.984,88	21,65
15	24/4/2024	58.015.552.907	5.100.000	11.375,59	390,71
16	25/4/2024	58.303.697.450	5.100.000	11.432,09	56,50
17	30/4/2024	58.908.323.599	5.100.000	11.550,65	118,56
18	1/5/2024	58.905.354.038	5.100.000	11.550,06	(0,59)
19	2/5/2024	59.620.195.804	5.100.000	11.690,23	140,17
20	3/5/2024	60.012.139.092	5.100.000	11.767,08	76,85
21	5/5/2024	60.006.157.756	5.100.000	11.765,91	(1,17)
22	6/5/2024	60.228.897.880	5.100.000	11.809,58	43,67
23	7/5/2024	60.609.634.237	5.100.000	11.884,24	74,66
24	8/5/2024	60.542.263.368	5.100.000	11.871,03	(13,21)
25	9/5/2024	60.317.489.610	5.100.000	11.826,95	(44,08)
26	12/5/2024	60.344.693.029	5.100.000	11.832,29	5,34
27	13/5/2024	60.018.292.181	5.100.000	11.768,29	(64,00)
28	14/5/2024	60.044.650.829	5.100.000	11.773,46	5,17
29	15/5/2024	60.541.734.970	5.100.000	11.870,92	97,46
30	16/5/2024	61.677.772.383	5.100.000	12.093,68	222,76
31	19/5/2024	61.780.473.416	5.100.000	12.113,81	20,13
32	20/5/2024	61.518.563.874	5.100.000	12.062,46	(51,35)
33	21/5/2024	61.897.991.075	5.100.000	12.136,86	74,40
34	22/5/2024	61.634.064.324	5.100.000	12.085,11	(51,75)
35	23/5/2024	62.151.941.168	5.100.000	12.186,65	101,54
36	26/5/2024	60.839.034.721	5.100.000	11.929,22	(257,43)
37	27/5/2024	60.895.227.930	5.100.000	11.940,24	11,02
38	28/5/2024	61.612.586.090	5.100.000	12.080,89	140,65
39	29/5/2024	60.894.045.393	5.100.000	11.940,00	(140,89)
40	30/5/2024	60.726.820.994	5.100.000	11.907,21	(32,79)
41	31/5/2024	60.946.133.129	5.100.000	11.950,22	43,01
42	2/6/2024	60.939.046.175	5.100.000	11.948,83	(1,39)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
 Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
43	3/6/2024	61.693.285.566	5.100.000	12.096,72	147,89
44	4/6/2024	61.979.680.248	5.100.000	12.152,87	56,15
45	5/6/2024	61.803.670.046	5.100.000	12.118,36	(34,51)
46	6/6/2024	61.771.392.117	5.100.000	12.112,03	(6,33)
47	9/6/2024	62.043.029.406	5.100.000	12.165,29	53,26
48	10/6/2024	62.614.942.753	5.100.000	12.277,43	112,14
49	11/6/2024	62.608.307.162	5.100.000	12.276,13	(1,30)
50	12/6/2024	63.868.601.216	5.100.000	12.523,25	247,12
51	13/6/2024	63.935.019.250	5.100.000	12.536,27	13,02
52	16/6/2024	62.949.504.062	5.100.000	12.343,04	(193,23)
53	17/6/2024	62.646.276.244	5.100.000	12.283,58	(59,46)
54	18/6/2024	62.773.771.238	5.100.000	12.308,58	25,00
55	19/6/2024	63.087.567.230	5.100.000	12.370,11	61,53
56	20/6/2024	63.593.549.795	5.100.000	12.469,32	99,21
57	23/6/2024	63.505.323.677	5.100.000	12.452,02	(17,30)
58	24/6/2024	62.253.535.371	5.100.000	12.206,57	(245,45)
59	25/6/2024	62.372.980.764	5.100.000	12.229,99	23,42
60	26/6/2024	62.526.972.728	5.100.000	12.260,19	30,20
61	27/6/2024	62.397.436.670	5.100.000	12.234,79	(25,40)
62	30/6/2024	61.788.772.543	5.100.000	12.115,45	(119,34)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 60.277.854.684

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong kỳ (VND)	563,00
- Mức thấp nhất trong kỳ (VND)	0,59

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

Ngày 30 tháng 6
 năm 2024
 Chứng chỉ quỹ

Đến một năm

5.100.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 5 tháng 3 năm 2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	
Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ	Phí quản lý Quỹ	-	(135.508.315)	99.650.616	(35.857.699)	135.508.315
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	-	(19.354.839)	1.935.484	(17.419.355)	19.354.839

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM GROWTH VN DIAMOND**

B06g-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (“Ngân hàng Giám sát”), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 5 tháng 3 năm 2024 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Chi phí VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	-	(66.512.798.660)	66.756.389.088	243.590.428	-
			-	(15.000.000)	-	(15.000.000)	15.000.000
			-	(7.448.854)	7.448.854	-	7.448.854
			-	(22.000.000)	16.500.000	(5.500.000)	22.000.000
			-	(66.000.000)	49.500.000	(16.500.000)	66.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Cho kỳ kế toán từ
 ngày 5 tháng 3
 năm 2024 đến
 ngày 30 tháng 6
 năm 2024
 (%)

Tỷ lệ chi phí hoạt động	3,43
Tốc độ vòng quay danh mục	63,42

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 365 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập) đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua vào trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) * 365 * 100\%}{2 \times \text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm} \times \text{Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quý. Nợ phải trả tài chính của Quý chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quý không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quý để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quý. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 61.760.354.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm 6.176.035.400 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 6.176.035.400 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì Quỹ duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào</i> VND	<i>Dưới 3 tháng</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	243.590.428	-	243.590.428
Các khoản đầu tư	-	61.760.354.000	61.760.354.000
Các khoản phải thu	-	28.150.000	28.150.000
Tổng tài sản	243.590.428	61.788.504.000	62.032.094.428
Nợ phải trả			
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	223.967.046	223.967.046
Tổng nợ phải trả	-	223.967.046	223.967.046
Mức chênh thanh khoản ròng	243.590.428	61.564.536.954	61.808.127.382

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ VNĐ</u>	<u>Giá trị hợp lý VNĐ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	243.590.428	243.590.428
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	243.590.428	243.590.428
Các khoản đầu tư thuần	61.760.354.000	61.760.354.000
- Cổ phiếu niêm yết	61.760.354.000	61.760.354.000
Các khoản phải thu	28.150.000	(*)
	<u>62.032.094.428</u>	
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	223.967.046	(*)
	<u>223.967.046</u>	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán từ ngày 5 tháng 3 năm 2024 (ngày thành lập)
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán viên

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2024